

Số: **73**/PGD&ĐT

V/v lập danh sách HS diện
chế độ chính sách học kỳ II
năm học 2021-2022

Long Biên, ngày **04** tháng 5 năm 2022

Kính gửi: Đ/c Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS trong Quận.

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số: 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố Hà Nội về việc quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19;

Phòng GD&ĐT đề nghị các nhà trường rà soát, tổng hợp danh sách học sinh diện thuộc diện chính sách (theo mẫu) và hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Đơn miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

- Đối với các đối tượng thuộc diện miễn giảm học phí cho trẻ mẫu giáo, học sinh THCS: mẫu đơn theo phụ lục II kèm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, bảng tổng hợp các trường MN theo mẫu số 1.1, các trường THCS theo mẫu số 1.2.

- Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập: trẻ mẫu giáo, học sinh TH, học sinh THCS: mẫu đơn theo phụ lục III kèm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, bảng tổng hợp theo mẫu số 2.

Lưu ý:

- Học sinh TH, học sinh THCS, số tháng hưởng: 05 tháng
- Trẻ mẫu giáo số tháng hưởng: 02 tháng
- Rà soát số HS chưa được hỗ trợ, số HS đề nghị cấp bổ sung HK I năm học 2021-2022, tổng hợp theo mẫu đính kèm.

2. Tiền ăn trẻ mẫu giáo:

- Đối với trẻ mẫu giáo thuộc diện được cấp tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non: nộp đơn, giấy chứng nhận, bản sao GKS, bảng tổng hợp theo mẫu số 03.

+ Đối tượng được hưởng: Trẻ em độ tuổi mẫu giáo (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển



sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm một trong những điều kiện sau:

a) Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).

đ) Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Năm học 2021-2022, số tháng hưởng: 02 tháng.

3. Hồ sơ kèm theo: Bản sao giấy tờ chứng minh là hộ nghèo, hộ cận nghèo, mồ côi.....do UBND phường cấp hoặc xác nhận, sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị TNLĐ, mất sức LĐ do BHXH cấp, giấy xác nhận khuyết tật do UBND phường cấp hoặc QĐ về việc hưởng trợ cấp của UBND Quận.

Lưu ý:

- Học sinh khuyết tật có giấy xác nhận khuyết tật do UBND phường cấp hoặc QĐ về việc hưởng trợ cấp của UBND Quận được miễn học phí và được hỗ trợ chi phí học tập.

- Thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu HP 1/2 tháng. Thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu HP đủ tháng.

Các trường nhập dữ liệu vào biểu mẫu trên drive chậm nhất trước 15h ngày 06/5/2022 và nộp bản có ký, đóng dấu kèm theo hồ sơ vào ngày

X.H
PH
ÁO
ĐÀ
V.G.BI

12/05/2022 (đ/c Hằng kế toán nhận). Đơn vị nào không có học sinh thuộc diện chính sách nộp danh sách ghi “Không có”.

Đề nghị các trường thực hiện nghiêm túc và đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, (02)

TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Thị Thu Hà

Đơn vị: Trường

Mẫu 1.1

**Danh sách học sinh đề nghị cấp bù học phí
học kỳ II năm học 2021-2022**
(Đối với trẻ mầm non)

Số TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đôi tượng	Diện	Học trực tiếp		Kinh phí hỗ trợ
						Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng	
I	Trẻ mẫu giáo							
1	Nguyễn Văn A			M		217.000	2	
2	Nguyễn Văn B			G		108.500	2	
II	Trẻ em MN 5 tuổi							
1	Nguyễn Văn A			M		155.000	2	
2	Nguyễn Văn B			G		77.500	2	
	Tổng cộng							

Ngày tháng năm 2022

Kế toán

Hiệu trưởng
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị: Trường

Mẫu 2

**Danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ chi phí học tập
học kỳ II năm học 2021-2022**
(Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh TH, học sinh THCS)

Số TT	Họ tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đôi tượng	HK I		HK II		Kinh phí hỗ trợ
					Số tiền đã cấp	Số cấp bù	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng	
	Cấp TH, THCS								
	Nguyễn Văn A				400.000	200.000	150.000	5	
	Nguyễn Văn B				0	600.000	150.000	5	
	Cấp MN								
	Nguyễn Văn A				0	0	150.000	2	
	Tổng cộng								

Ngày tháng năm 2022

Kế toán

Hiệu trưởng

Đơn vị: Trường

Mẫu 3

**Danh sách học sinh đề nghị cấp tiền ăn trưa
học kỳ II năm học 2021-2022
(Đối với trẻ mẫu giáo)**

Số TT	Họ tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Đối tượng	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
	Nguyễn Văn A			160.000	2	
					
	Tổng cộng					

Kế toán

Ngày tháng năm 2022

Hiệu trưởng
(Ký, đóng dấu)

